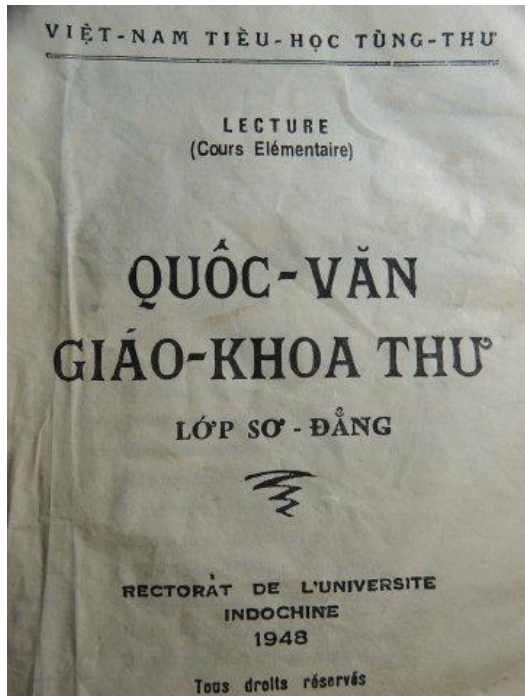


Chuyện Một Bài Ca Dao Cổ “Đi Chợ Tính Tiền”

Phan Văn Cho



Một quan tiền tốt mang đi,
Nàng mua những gì chàng tính chẳng ra.
Thoạt tiên mua ba tiền gà,
Tiền rưỡi gạo nếp với ba đồng trâu.
Trở lại mua sáu đồng cau,
Tiền rưỡi miếng thịt, giá rau mười đồng.

Có gì mà tính chẳng thông?
Tiền rưỡi gạo tẻ, sáu đồng chè tươi.
Ba mươi đồng rượu chàng ơi,
Ba mươi đồng mật, hai mươi đồng vàng.
Hai chén nước mắt rõ ràng,
Hai bảy mươi bốn, kéo chàng hồ nghi.
Hăm một (21) đồng bột nấu chè,
Mười đồng nải chuối, chẵn thì một quan.

"Đi chợ tính tiền" là một bài ca dao lục bát.

Bài đã được in làm Bài Học Thuộc Lòng cho học sinh lớp "sơ đẳng" (tức lớp 3) trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư năm

1948. Bài thơ kể chuyện một người phụ nữ đi chợ về, phải trình bày minh bạch, rõ ràng việc chi tiêu với chồng.

Ngày xưa khi học bài này thầy giáo chỉ nêu đại ý như rứa, đồng thời nêu bật tính đảm đang, khéo vén của người phụ nữ xưa....sau đó yêu cầu học sinh học thuộc. Thầy không giảng về bài toán ẩn trong bài thơ, có lẽ vì thời thế đã khác (Khoảng năm 1958, chưa được vào trường công lập, người viết học với Ông giáo... ở khoảng giữa cầu An Cựu và làng Vạn Vạn, không biết có phải là thân sinh của nhà văn Hải Triều không?) đồng tiền cũng đã đổi thay, hoặc giải bài toán chắc chỉ những học trò nhỏ hiểu được.

Đã hơn năm mươi năm, bây giờ người học trò xưa đang ngồi ôm tóc trắng... một ngày mưa ngồi buồn chợt nhớ thầy đồ nơi xóm cũ ngày xưa chừ không còn, nhưng bài thơ vẫn còn đọng mãi trong đầu của bài Học thuộc lòng thửa ấy. Bèn tìm giấy giải thử.

Ngay câu thơ đầu tiên đã gặp ngay vấn nạn. "Một quan tiền tốt mang đi". Một quan là bao nhiêu? Quan là đồng tiền cổ, những người muôn năm cũ giờ không còn, biết hỏi ai đây? Chợt nghe vang vang trong đầu một bài nhạc của nhạc sĩ Văn Phụng:

*Một quan là sáu trăm đồng.
Chắt chiu tháng tháng cho chồng đi thi.
(Thơ của Nguyễn Bính).*

Vận dụng cả 4 phép tính cộng trừ nhân chia, đảo xuôi ngược, lên xuống...mãi vẫn không đủ 600 đồng cho một quan tiền!

Lại phải đi tìm trong lịch sử. Trong một ngàn năm Bắc thuộc, dân Việt không có đồng tiền riêng. Mãi đến sau khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, dân Việt vẫn còn dùng đến đồng tiền của phương Bắc. Đến năm 968, Đinh Bộ Lĩnh sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, lên ngôi hoàng đế với đế hiệu Đinh Tiên Hoàng, niên hiệu Thái Bình. Năm 970 nhà vua đã cho đúc những đồng tiền Thái Bình Hưng Bảo. Đây chính là những đồng tiền đầu tiên của người Việt. Từ đó tiếp đến những triều đại sau đều theo.

Đơn vị để tính tiền xưa gồm có : quan, tiền , đồng. Mỗi quan có giá trị là 10 tiền, mỗi tiền bằng bao nhiêu đồng tùy theo quy định của mỗi thời đại. Theo sử sách giá trị đồng tiền các thời đại như sau:

- 1/ Năm 1225, vua Trần Thái Tông định phép dùng tiền. 1 quan bằng 10 tiền. 1 tiền bằng 70 đồng.
- 2/ Năm 1428 vua Lê Thái Tổ cho đúc tiền Thuận Thiên. 1 quan bằng 10 tiền. 1 tiền bằng 50 đồng.
- 3/ Năm 1439, vua Lê Thái Tông quy định **1 quan bằng 10 tiền , 1 tiền bằng 60 đồng.**

Như vậy **1 quan = 10 tiền = 600 đồng.**

Từ đó các triều đại về sau, mỗi khi đúc một loại tiền mới đều theo tỷ lệ này, cho đến cuối triều Nguyễn năm 1945. Chỉ có tên đồng tiền là thay đổi theo tên hiệu.

Năm 1905, chính quyền bảo hộ Bắc kỳ cho phát hành loại tiền đúc bằng hợp kim kẽm. Loại tiền này mặt trước in chữ Pháp, mặt sau ghi chữ Hán, có giá trị tương đương các loại tiền đồng như Gia Long Thông Bảo, Minh Mệnh Thông Bảo, Thiệu Trị Thông Bảo và Tự Đức Thông Bảo.

Trong những đời vua sau của nhà Nguyễn còn có thêm hai đồng tiền khác là Khải Định Thông Bảo và Bảo Đại Thông Bảo, hai loại tiền này không đúc như những đồng tiền xưa mà được dập bằng máy dập nhập từ nước Pháp.

Đến đây chắc chắn là bài toán ẩn bên trong bài ca dao đã giải được. Ghi lại như sau, bên phải là các phép tính đã giải. (tính theo đơn vị **đồng**)

ĐI CHỢ TÍNH TIỀN

Một quan tiền tốt mang đi,	(600)
Nàng mua những gì chàng tính chẳng ra.	
Thoạt tiên mua ba tiền gà,	{3x60}= 180
Tiền rưỡi gạo nếp với ba đồng trâu.	{60+30}+3= 93
Trở lại mua sáu đồng cau, = 6	
Tiền rưỡi miếng thịt, giá rau mười đồng.	{1,5x60}+10= 100
Có gì mà tính chẳng thông?	
Tiền rưỡi gạo tẻ, sáu đồng chè tươi.	60+30+6= 96
Ba mươi đồng rượu chàng ơi,	30
Ba mươi đồng mật, hai mươi đồng vàng.	30+20= 50
Hai chén nước mắm rõ ràng,	
Hai bảy mươi bốn, kéo chàng hồ nghi.	{2x7}= 14
Hăm một (21) đồng bột nấu chè,	21
Mười đồng nải chuối, chẵn thì một quan.	10
	TỔNG CỘNG = 600

Trong sách QVGKT, bên dưới bài học thuộc lòng này có 3 từ giải nghĩa, ghi nguyên văn như sau:

"GIẢI NGHĨA: Tiền **tốt** = tiền tiêu được.
Vàng = đồ làm bằng giấy cứng rồi đốt đi.
Hồ nghi = ngờ vực, không biết rõ".

Những giải nghĩa này chỉ để giải thích cho lớp học trò tóc còn để chỏm, dễ hiểu, dễ nhớ.

Đi chợ tất phải đem theo tiền, tiền phải có giá trị trong mua bán... là chuyện đương nhiên. Nhưng sao gọi là **tiền tốt**? Một bài ca dao được lưu truyền, được in trong sách giáo khoa từ lúc ra đời (Bản in đầu tiên năm 1927) đến lúc cải tiến thay đổi, không lẽ vì bí vắn mà viết vụng thế sao! Thế là người viết phải đi tìm tiếp.

Có một giai thoại trong văn học về Bà Chúa thơ Nôm. Chuyện kể rằng Hồ Xuân Hương thiếu tiền bèn hỏi mượn của Chiêu Hồ 5 quan để tiêu tạm. Chiêu Hồ gởi tiền đến, đếm hoài vẫn chỉ thấy có 3 quan. Nữ sĩ bèn làm bài thơ trách người cho mượn tiền:

Sao nói rằng năm chỉ có ba.
Trách người quân tử hện sai ra.
Bao giờ thông thả lên chơi nguyệt.
Nhớ hái cho xin nắm lá đa.

Chiêu Hồ họa lại:

Rằng gián thì năm, quý có ba.
Bởi người thực nữ tính không ra.
Ừ rồi thông thả lên chơi nguyệt.
Cho cả cảnh đa lẫn củ đa.

Trong bài họa của Chiêu Hồ có chữ **gián** và **quý**. Đây là cơ sở dẫn người viết đi tìm tiếp. Đã "có công tất ...chồng không phụ", kết quả đã tìm được:

Khoảng thế kỷ 18, dưới triều vua Minh Mạng có hai loại tiền lưu hành. Đó là **tiền quý** và **tiền gián**, tỷ lệ như sau:
1 quan quý = 600 đồng.
3 Quan quý : 3 quan x 600 = 1800 đồng
1800: 360 = 5 quan gián

Giá trị của các loại tiền xưa như thế nào? Đây là những số liệu về lương tiền dưới triều vua Minh Mạng:

- Quan Nhất Phẩm lãnh mỗi năm 400 quan, 300 phương gạo, 70 quan tiền Xuân Phục, tức tiền áo quần.
- Quan Chánh ngũ phẩm, hàng tri phủ mỗi năm lương 40 quan, 43 phương gạo, 9 quan tiền Xuân Phục.
- Lính, thợ lại, phục dịch ... lương mỗi tháng 1quan tiền, 1 phương gạo.

Đồng quan ngày xưa nó to thế. Chẳng trách người ta bỏ ...quan ra để mua phẩm hàm, chức tước...để được làm quan! Chẳng trách người phụ nữ " thời xưa" (tên khác của bài thơ Trăng sáng vườn chè) quên cả thanh xuân, gác tạm những uẩn ức, dồn nén để một ngày chồng vinh qui về làng... cùng nhau trải trọn trong một đêm trăng!

Qua những số liệu vừa tìm được, ta có thể thấy rõ bài ca dao "Đi chợ tính tiền" xuất hiện sớm nhất phải từ thời Minh Mạng. Bởi từ lúc này mới có "Một quan tiền TỐT" mang đi. Tiền tốt chính là **tiền quý**, phân biệt với tiền gián có giá trị thấp hơn. Cũng thấy được, người phụ nữ trong một buổi chợ quê đã tiêu số tiền bằng lương tháng một người lính. Nhà nàng chắc phải có chuyện quan hôn, kỵ giỗ chi đây!

Thật thú vị, để giải bài toán ẩn bên trong bài ca dao, đã phải đi loanh quanh, lòng vòng. Gặp những bài thơ hay, giai thoại đẹp, biết thêm vài điều về lịch sử...

Nếu không có Internet chắc gì người viết đã giải được bài toán ẩn bên trong bài ca dao cổ? Chỉ nghĩ đến kho sách phải lục tìm, những thư viện phải đi đến... đã thấy chồn chân chẳng muốn trèo !

PVC (Pleiku 22-8-2011)